

NỘI DUNG ĐỀ CƯƠNG

A. PHÂN MÔN HÓA HỌC

*Nội dung chung

1. Khái niệm, phân loại, gọi tên, tính chất hóa học của base.
2. Khái niệm, phân loại, gọi tên, tính chất hóa học của oxide.
3. Bài tập tính theo phương trình hóa học

I. TRẮC NGHIỆM

* BASE

Câu 1. Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống cho khái niệm sau: "Base là những ... trong phân tử có nguyên tử kim loại liên kết với nhóm Khi tan trong nước, base tạo ra ion ..."

- A. hợp chất, hydroxide, OH^- . B. đơn chất, hydrogen, OH^- .
C. đơn chất, hydroxide, H^+ . D. hợp chất, hydrogen, H^+ .

Câu 2. Chất nào sau đây là base

- A. $\text{Ba}(\text{OH})_2$. B. CuCl_2 . C. MgO D. HCl

Câu 3. Dung dịch base làm cho quỳ tím chuyển sang màu nào trong số các màu sau đây?

- A. Xanh. B. Đỏ. C. Tím. D. Vàng.

Câu 4. Dãy chất gồm toàn base tan được trong nước?

- A. NaOH , $\text{Ca}(\text{OH})_2$, $\text{Mg}(\text{OH})_2$. B. KOH , MgO , $\text{Ca}(\text{OH})_2$
C. NaOH , KOH , $\text{Ca}(\text{OH})_2$ D. $\text{Cu}(\text{OH})_2$, $\text{Mg}(\text{OH})_2$, $\text{Fe}(\text{OH})_3$.

Câu 5. Công thức hóa học của sodium hydroxide

- A. NaOH . B. Na_2O C. NaCl D. $\text{Ca}(\text{OH})_2$

Câu 6. Thang pH được dùng để

- A. biểu thị độ acid, base của dung dịch. B. biểu thị độ base của dung dịch.
C. biểu thị độ acid của dung dịch. D. biểu thị độ mặn của dung dịch.

Câu 7. Dung dịch base làm cho dung dịch phenolphthalein không màu chuyển sang màu

- A. hồng. B. đỏ. C. tím. D. xanh.

Câu 8. Phản ứng giữa dung dịch acid và base tạo thành muối và nước được gọi là

- A. phản ứng trung hòa. B. phản ứng thế C. phản ứng hóa hợp. D. phản ứng phân hủy.

Câu 9. Nếu $\text{pH} < 7$ thì dung dịch có môi trường

- A. acid. B. base. C. base lẫn acid. D. trung tính.

Câu 10. Iron (III) hydroxide có công thức hóa học là

- A. $\text{Fe}(\text{OH})_3$. B. $\text{Fe}(\text{OH})_2$. C. $\text{Al}(\text{OH})_3$ D. Fe_2O_3 .

Câu 11. Cho magnesium hydroxide tác dụng với dung dịch hydrochloric acid. Phương trình hóa học của phản ứng trên là

- A. $\text{Mg}(\text{OH})_2 + \text{HCl} \rightarrow \text{MgCl}_2 + \text{H}_2$ B. $\text{Mg}(\text{OH})_2 + \text{HCl} \rightarrow \text{MgCl}_2 + \text{H}_2\text{O}$
C. $\text{MgOH} + 2\text{HCl} \rightarrow \text{MgCl}_2 + \text{H}_2\text{O}$ D. $\text{Mg}(\text{OH})_2 + 2\text{HCl} \rightarrow \text{MgCl}_2 + 2\text{H}_2\text{O}$

Câu 16. Công thức hóa học nào sau đây viết sai

- A. NaOH . B. $\text{Al}(\text{OH})_3$. C. $\text{Zn}(\text{OH})_2$. D. $\text{Cu}(\text{OH})_2$

***OXIDE**

Câu 1. Oxide là

- A. hỗn hợp các nguyên tố oxygen với một số nguyên tố hóa học khác.
B. hợp chất của nguyên tố phi kim với một nguyên tố hóa học khác.
C. hợp chất của oxygen với một nguyên tố hóa học khác.
D. hợp chất của nguyên tố kim loại với một nguyên tố hóa học khác.

Câu 2. Trong các chất: KCl , CaO , HNO_3 , CO_2 , MgO , CuO , số lượng oxide là

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 3. Dãy các chất đều là oxide base?

- A. CuO , CO_2 , CaO , Na_2O . B. CO_2 , SO_2 , P_2O_5 , N_2O_5 .
C. CuO , MgO , K_2O , CaO . D. CO_2 , CaO , FeO , CuO .

Câu 4. Oxide acid (acidic oxide) có đặc điểm là

- A. tác dụng với dung dịch acid tạo thành muối và nước.
B. tác dụng với dung dịch base tạo thành muối và nước.
C. không tác dụng với dung dịch base và dung dịch acid.
D. chỉ tác dụng được với muối.

Câu 5. Oxide base (basic oxide) có đặc điểm là

- A. tác dụng với dung dịch acid tạo thành muối và nước.
B. tác dụng với dung dịch base tạo thành muối và nước.
C. không tác dụng với dung dịch base và dung dịch acid.
D. chỉ tác dụng được với muối.

Câu 6. Chất nào sau đây tác dụng được với dung dịch NaOH ?

- A. Na_2O . B. CaO . C. SO_2 . D. Fe_2O_3 .

Câu 7. Chất nào sau đây tác dụng được với dung dịch HCl ?

- A. Na_2O . B. CO_2 . C. SO_2 . D. CO .

Câu 8. Công thức hóa học của calcium oxide

A. Na_2O .B. CaO .C. $\text{Ca}(\text{OH})_2$.D. Fe_2O_3 .

Câu 9. Tên gọi của sulfur trioxide

A. CO_2 .B. H_2S .C. SO_3 .D. SO_2 .

Câu 10. Dãy gồm oxide base là

A. CO_2 , SO_2 , P_2O_5 B. CO , NO , SO_3 C. MgO , CuO , CaO .D. Al_2O_3 , ZnO , CuO **II. BÀI TẬP TỰ LUẬN****Câu 1:**

I. Gọi tên các base sau

NaOH		$\text{Fe}(\text{OH})_3$	
$\text{Mg}(\text{OH})_2$		$\text{Cu}(\text{OH})_2$	
KOH		$\text{Al}(\text{OH})_3$	

II. Gọi tên các oxide sau

Na_2O		CO_2	
MgO		SO_2	
CaO		SO_3	
Fe_2O_3		P_2O_5	
Al_2O_3		CO	
ZnO		NO	

Câu 2: Hoàn thành PTHH

$\text{Mg}(\text{OH})_2 + \text{HCl}$	$\text{Cu}(\text{OH})_2 + \text{H}_2\text{SO}_4$
$\text{NaOH} + \text{HCl}$	$\text{Al}(\text{OH})_3 + \text{H}_2\text{SO}_4$
$\text{Fe}(\text{OH})_3 + \text{HCl}$	$\text{NaOH} + \text{H}_2\text{SO}_4$
$\text{Na}_2\text{O} + \text{HCl}$	$\text{CO}_2 + \text{NaOH}$
$\text{MgO} + \text{HCl}$	$\text{CO}_2 + \text{Ca}(\text{OH})_2$
$\text{Fe}_2\text{O}_3 + \text{HCl}$	$\text{SO}_2 + \text{Ca}(\text{OH})_2$
$\text{CuO} + \text{HCl}$	$\text{SO}_2 + \text{KOH}$

Câu 3. Cho 5,8 gam $\text{Mg}(\text{OH})_2$ tác dụng vừa đủ với 200 gam dung dịch HCl .a. Tính khối lượng MgCl_2 thu được sau phản ứng?b. Tính nồng độ phần trăm của dung dịch HCl phản ứng?**Câu 4.** Cho 9,8 gam $\text{Cu}(\text{OH})_2$ tác dụng vừa đủ với 200 ml dung dịch HCl a. Tính khối lượng CuCl_2 thu được sau phản ứng?b. Tính nồng độ mol của dung dịch HCl phản ứng?**Câu 5:** Cho MgO tác dụng vừa đủ với 300 gam dung dịch HCl 7,3%

a. Tính khối lượng muối thu được sau phản ứng?

b. Tính khối lượng MgO tham gia phản ứng?

($Mg = 24$, $O = 16$, $H = 1$, $Cu = 64$, $Cl = 35,5$)

B. PHÂN MÔN VẬT LÝ

I. TRẮC NGHIỆM

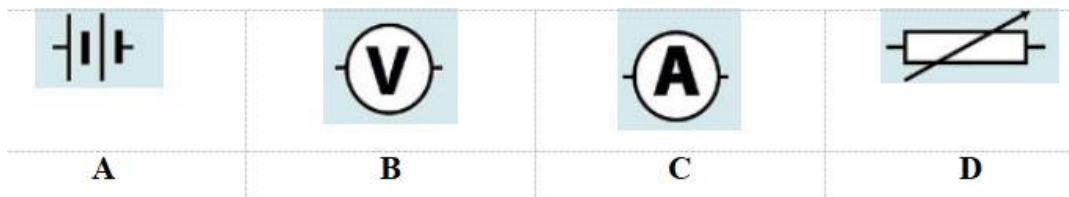
Câu 1: Đang có dòng điện chạy trong vật nào dưới đây?

- A. Một mảnh nylon đã được cọ xát.
- B. Chiếc pin tròn được đặt tách riêng trên bàn.
- C. Đồng hồ dùng pin đang chạy.
- D. Đường dây điện trong gia đình khi không sử dụng bất cứ một thiết bị điện nào

Câu 2: Quy ước nào sau đây là đúng

- A. Chiều dòng điện là chiều đi từ cực âm của nguồn điện qua vật dẫn tới cực dương của nguồn điện
- B. Chiều dòng điện là chiều đi từ cực dương của nguồn qua vật dẫn tới cực âm của nguồn điện
- C. Cực dương của nguồn điện là cực xuất phát của các electron khi mắc nguồn với dụng cụ tiêu thụ điện thành mạch kín
- D. Cực âm của nguồn điện là cực đến của các electron khi mắc nguồn với dụng cụ tiêu thụ điện thành mạch kín

Câu 3: Kí hiệu nào là ampe kế?



Câu 4: Điền vào chỗ trống: "Cầu dao tự động cũng có tác dụng ngắt mạch như cầu chì, và được sử dụng để bảo vệ các thiết bị điện khác trong mạch khi dòng điện đột ngột ..."

- A. Giảm quá mức.
- B. Tăng quá mức.
- C. Thay đổi liên tục.
- D. Đáp án khác.

Câu 5: Cầu chì có tác dụng gì?

- A. Thay đổi dòng điện khi dòng điện đột ngột giảm quá mức.
- B. Bảo vệ các thiết bị điện khác trong mạch không bị hỏng khi dòng điện đột ngột tăng quá mức.
- C. Thay đổi dòng điện khi dòng điện đột ngột tăng quá mức.
- D. Bảo vệ các thiết bị điện khác trong mạch không bị hỏng khi dòng điện đột ngột giảm quá mức.

Câu 6: Để ngắt những dòng điện lớn mà hệ thống mạch điều khiển không thể can thiệp trực tiếp, ta sử dụng?

- A. Rơ le.
- B. Cầu chì.
- C. Biến áp.
- D. Vôn kế.

Câu 7: Điền vào chỗ trống: "Ngoài các thiết bị cung cấp và tiêu thụ điện, trong mạch điện còn có các thiết bị như cầu chì, cầu dao tự động, rơle, chuông điện để bảo vệ mạch điện và ..."

- A. Ngắt mạch điện.
- B. Đổi chiều dòng điện
- C. Cảnh báo sự cố xảy ra.
- D. Cung cấp điện

Câu 8: Rơ le có tác dụng nào sau đây?

- A. Thay đổi dòng điện.
- B. Đóng, ngắt mạch điện.
- C. Cảnh báo sự cố.
- D. Cung cấp điện.

Câu 9: Dòng điện có tác dụng phát sáng khi chạy qua dụng cụ nào dưới đây, khi chúng hoạt động bình thường?

A. Máy bơm nước chạy điện.

B. Công tắc.

C. Dây dẫn điện ở gia đình.

D. Đèn báo của tivi.

Câu 10: Hoạt động của dụng cụ nào dưới đây không dựa trên tác dụng nhiệt của dòng điện?

A. Bàn là điện.

B. Máy sấy tóc

C. Đèn LED.

D. Ấm điện đang đun nước

Câu 11: Khi cho dòng điện chạy qua dung dịch muối đồng, sau một thời gian thấy có một lớp đồng mỏng bám vào thỏi than nối với điện cực âm của nguồn điện. Có thể giải thích hiện tượng này dựa vào tác dụng nào của dòng điện?

A. Tác dụng hóa học.

B. Tác dụng sinh lí

C. Tác dụng từ.

D. Tác dụng từ và tác dụng hóa học

Câu 12: Nếu ta chạm vào dây điện trần (không có lớp cách điện) dòng điện sẽ truyền qua cơ thể gây co giật, bỏng thậm chí có thể gây chết người là do:

A. Tác dụng sinh lí của dòng điện.

B. Tác dụng hóa học của dòng điện

C. Tác dụng từ của dòng điện.

D. Tác dụng nhiệt của dòng điện

Câu 13: Khi mắc ampe kế vào mạch điện thì cần chú ý điều gì sau đây?

A. Chốt âm của ampe kế mắc vào cực dương của nguồn điện và chốt dương mắc với bóng đèn.

B. Không được mắc trực tiếp hai chốt của ampe kế trực tiếp vào nguồn điện.

C. Chốt dương của ampe kế mắc vào cực âm của nguồn điện và chốt âm mắc với bóng đèn.

D. Mắc trực tiếp hai chốt của ampe kế vào hai cực của nguồn điện.

Câu 14: Điền từ thích hợp vào chỗ trống

Nguồn điện tạo ra giữa hai cực của nó một.....

A. Điện thế.

B. Hiệu điện thế

C. Cường độ điện thế.

D. Cường độ dòng điện

Câu 15: Giữa hai lỗ của ổ điện lấy trong mạng điện gia đình ở Việt Nam, giá trị hiệu điện thế là:

A. 100 V hay 200 V.

B. 110 V hay 220 V.

C. 200 V hay 240 V.

D. 90 V hay 240 V.

Câu 16: Ampe kế là dụng cụ để đo:

A. cường độ dòng điện.

B. hiệu điện thế

C. công suất điện.

D. điện trở

Câu 17: Có thể làm nhiễm điện cho một vật bằng cách

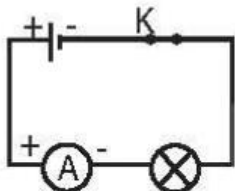
A. Cọ xát vật

B. Nhúng vật vào nước đá

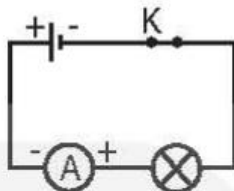
C. Cho chạm vào nam châm

D. Nung nóng vật

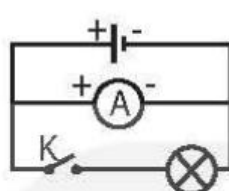
Câu 18: Ampe kế nào mắc đúng để đo cường độ dòng điện chạy qua đèn



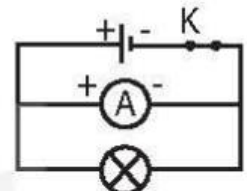
A.



B.

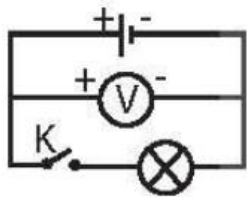


C.

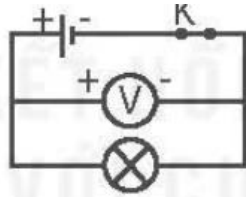


D.

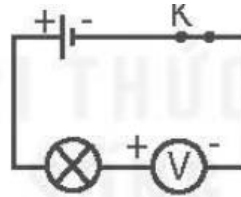
Câu 19: Vôn kế nào dưới đây đo hiệu điện thế giữa hai cực của nguồn khi mạch để hở:



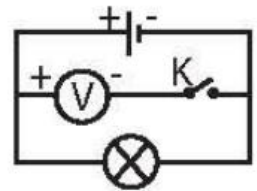
A.



B.



C.



D.

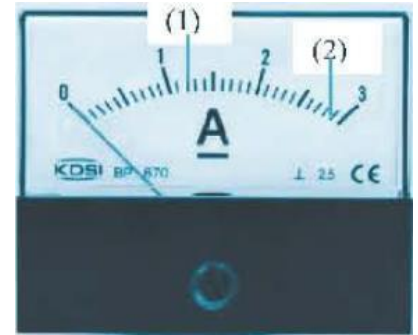
Câu 20: Để đảm bảo an toàn về điện, các nguồn điện trong phòng thực hành cần sử dụng nguồn điện có hiệu điện thế nhỏ hơn:

- A. 6V B. 12V
C. 40V D. 220V

II. Bài tập tự luận:

Câu 1: Cho ampe kế như hình vẽ. Hãy cho biết:

- a) Giới hạn đo của ampe kế.
b) Độ chia nhỏ nhất của ampe kế.
c) Số chỉ của ampe kế khi kim ở vị trí (1).
d) Số chỉ của ampe kế khi kim ở vị trí (2).



Câu 2: Hình bên là vị trí kim trên vôn kế. Điền giá trị hiệu điện thế đo được vào bảng số liệu tương ứng với các thang đo khác nhau:

Thang đo	Giá trị hiệu điện thế
100mV	
3mV	
30mV	



Câu 3: Số chỉ trên vỏ cầu chì ghi 1A cho biết điều gì? Giải thích tại sao ngày nay, người ta sử dụng đèn Led thay thế cho các đèn sợi đốt.

Câu 4: Dòng điện chạy qua cơ thể có thể gây co giật, tê liệt một số cơ quan quan trọng trên cơ thể người. Em hãy đưa ra các giải pháp của bản thân để tránh nguy hiểm khi sử dụng các dụng cụ tiêu thụ điện trong gia đình như: bàn là, quạt điện, ti vi, tủ lạnh, ...

C. PHÂN MÔN SINH HỌC

PHẦN I.CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu 1: Nếu tuyến tụy không sản xuất được hormone insulin thì cơ thể sẽ mắc bệnh nào sau đây?

- A. Sỏi thận. B. Sỏi bàng quang. C. Dư insulin. D. Đái tháo đường.

Câu 2: Bộ phận nào của da có chức năng tiếp nhận các kích thích của môi trường?

- A. Tuyến mồ hôi B. Tuyến nhờn. C. Thụ quan. D. Mạch máu.

Câu 3: Tuyến nào sau đây là tuyến nội tiết

- A. Tuyến gan B. Tuyến nước bọt C. Tuyến vị D. Tuyến yên

Câu 4: Môi trường trong cơ thể có vai trò chính là gì?

- A.Giúp tế bào thường xuyên trao đổi chất với môi trường ngoài.

- B. Giúp tế bào có hình dạng ổn định
- C. Giúp tế bào không bị xâm nhập bởi các tác nhân gây hại
- D. Sinh tổng hợp các chất cần thiết cho tế bào

Câu 5: Ngăn cách giữa tai ngoài và tai giữa là

- A. màng cơ sở.
- B. màng tiền đình.
- C. màng nhĩ.
- D. màng cửa bầu dục.

Câu 6: Đồ uống nào dưới đây gây hại cho hệ thần kinh ?

- A. Nước khoáng.
- B. Nước lọc.
- C. Rượu.
- D. Sinh tố chanh leo

Câu 7: Vì sao trẻ bị viêm họng thường dễ dẫn đến viêm tai giữa ?

- A. Vì vi sinh vật gây viêm họng và vi sinh vật gây viêm tai giữa luôn cùng chủng loại với nhau.
- B. Vì vi sinh vật gây viêm họng có thể theo vòi nhĩ tới khoang tai giữa và gây viêm tại vị trí này.
- C. Vì vi sinh vật gây viêm họng có thể biến đổi về cấu trúc và theo thời gian sẽ gây viêm tai giữa.
- D. Tất cả các phương án còn lại.

Câu 8: Cận thị là

- A. tật mà hai mắt nằm quá gần nhau.
- B. tật mà mắt không có khả năng nhìn gần.
- C. tật mà mắt chỉ có khả năng nhìn gần.
- D. tật mà mắt chỉ có khả năng nhìn xa.

Câu 9: Tai ngoài có vai trò gì đối với khả năng nghe của con người ?

- A. Hứng sóng âm và hướng sóng âm
- B. Xử lý các kích thích về sóng âm
- C. Thu nhận các thông tin về sự chuyển động của cơ thể trong không gian
- D. Truyền sóng âm về não bộ

Câu 10: Trong các bệnh về mắt, bệnh nào phổ biến nhất ?

- A. Đau mắt đỏ.
- B. Đau mắt hột.
- C. Đục thủy tinh thể.
- D. Thoái hóa điểm vàng.

Câu 11: Tuyến nào dưới đây vừa có chức năng ngoại tiết, vừa có chức năng nội tiết ?

- A. Tuyến cận giáp.
- B. Tuyến yên.
- C. Tuyến trên thận.
- D. Tuyến sinh dục.

Câu 12: Hoocmôn insulin do tuyến tụy tiết ra có tác dụng sinh lí như thế nào ?

- A. Chuyển glicôgen thành tinh bột dự trữ trong gan và cơ
- B. Chuyển glucôzơ thành tinh bột dự trữ trong gan và cơ
- C. Chuyển glicôgen thành glucôzơ dự trữ trong gan và cơ
- D. Chuyển glucôzơ thành glicôgen dự trữ trong gan và cơ

Câu 13: Trong cơ thể người, tuyến nội tiết nào đóng vai trò chỉ đạo hoạt động của hầu hết các tuyến nội tiết khác ?

- A. Tuyến sinh dục. B. Tuyến yên. C. Tuyến giáp. D. Tuyến tụy.

Câu 14: Nhóm nào dưới đây gồm hai loại hoocmôn có tác dụng sinh lý trái ngược nhau ?

- A. Insulin và canxitônin. B. Ôxitôxin và tirôxin
C. Insulin và glucagon. D. Insulin và tirôxin

Câu 15: Chỉ cần một lượng rất nhỏ, hoocmôn đã tạo ra những chuyển biến đáng kể ở môi trường bên trong cơ thể. Điều này cho thấy tính chất nào của hoocmôn ?

- A. Có tính đặc hiệu. B. Có tính phổ biến.
C. Có tính đặc trưng cho loài. D. Có hoạt tính sinh học rất cao.

Câu 16: Ở nữ giới, hoocmôn nào có tác dụng sinh lý tương tự như testôtêrôn ở nam giới ?

- A. Adrênalín. B. Insulin. C. Prôgestêrôn. D. Ôstrôgen

Câu 17: Trong cấu tạo của da người, các sắc tố mêlanin phân bố ở đâu?

- A. Tầng tế bào sống. B. Tầng sừng. C. Tuyến nhờn. D. Tuyến mồ hôi

Câu 18: Một làn da sạch sẽ có khả năng tiêu diệt khoảng bao nhiêu phần trăm số vi khuẩn bám trên da?

- A. 85% B. 40% C. 99% D. 35%

Câu 19: Để tăng cường sức chịu đựng của làn da, chúng ta có thể áp dụng biện pháp nào sau đây?

- A. Thường xuyên tập thể dục, thể thao
B. Tắm nước lạnh theo lộ trình tăng dần mức độ nhưng phải đảm bảo độ vừa sức
C. Tắm nắng vào sáng sớm (6 – 7 giờ vào mùa hè hoặc 8 – 9 giờ vào mùa đông)
D. Tất cả các phương án còn lại

Câu 20: Để chống rét, chúng ta phải làm gì?

- A. Tất cả các phương án còn lại
B. Giữ ấm vào mùa đông, đặc biệt là vùng cổ, ngực, mũi và bàn chân
C. Làm nóng cơ thể trước khi đi ngủ hoặc sau khi thức dậy bằng cách mát xa lòng bàn tay, gan bàn chân
D. Bổ sung các thảo dược giúp làm ấm phủ tạng như trà gừng, trà sâm

Câu 21: ADH sẽ tác động trực tiếp đến cơ quan nào dưới đây ?

- A. Gan. B. Tim. C. Thận. D. Phổi

Câu 22: Đồ uống nào dưới đây gây hại cho hệ thần kinh ?

- A. Nước khoáng. B. Nước lọc. C. Rượu. D. Sinh tố chanh leo

Câu 23: Để bảo vệ hệ thần kinh, chúng ta cần lưu ý điều nào sau đây ?

- A. Tất cả các phương án còn lại
- B. Giữ cho tâm hồn được thanh thản, tránh suy nghĩ lo âu
- C. Xây dựng một chế độ làm việc và nghỉ ngơi hợp lý
- D. Đảm bảo giấc ngủ hằng ngày để phục hồi chức năng của hệ thần kinh sau thời gian làm việc căng thẳng

Câu 24: Tai ngoài có vai trò gì đối với khả năng nghe của con người ?

- A. Hứng sóng âm và hướng sóng âm
- B. Xử lý các kích thích về sóng âm
- C. Thu nhận các thông tin về sự chuyển động của cơ thể trong không gian
- D. Truyền sóng âm về não bộ

Câu 25: Điều nào sau đây có thể gây cản trở đến giấc ngủ của bạn ?

- A. Tâm trạng bất ổn.
- B. Tiếng ồn
- C. Ánh sáng mạnh.
- D. Tất cả các phương án còn lại

PHẦN II. CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG SAI

Câu 1: Khi nói về hệ thần kinh, phát biểu nào sau đây đúng, phát biểu nào sai?

- 1. Bộ phận trung ương của hệ thần kinh bao gồm não và tủy sống.
- 2. Bộ phận trung ương (não và tủy sống) không là bộ phận đóng vai trò chủ đạo.
- 3. Bộ phận ngoại biên của hệ thần kinh gồm các dây thần kinh và hạch thần kinh.
- 4. Hệ thần kinh điều khiển cả các hoạt động có ý thức và vô thức.

Câu 2: Phát biểu nào sau đây là đúng hoặc sai khi nói về bệnh Parkinson?

- 1. Bệnh Parkinson không ảnh hưởng đến khả năng vận động.
- 2. Bệnh Parkinson thường xảy ra ở người già.
- 3. Nguyên nhân gây bệnh Parkinson chỉ do tuổi cao.
- 4. Bổ sung vitamin D có thể giúp phòng ngừa bệnh Parkinson.

Câu 3: Khi nói về chức năng và cấu tạo da, phát biểu nào sau đây đúng, phát biểu nào sai?

- 1. Chức năng chính của da là bảo vệ cơ thể khỏi các tác nhân gây hại từ môi trường bên ngoài.
- 2. Da không có vai trò trong việc điều hòa nhiệt độ cơ thể.
- 3. Lớp biểu bì là lớp ngoài cùng của da, tiếp xúc trực tiếp với môi trường bên ngoài.
- 4. Da không tham gia vào quá trình tổng hợp vitamin D.

Câu 4: Phát biểu nào sau đây là đúng hoặc sai khi nói về cấu tạo và chức năng của da?

- 1. Chăm sóc da rất quan trọng, giúp bảo vệ da khỏi các tác nhân gây hại và duy trì làn da khỏe mạnh.
- 2. Mụn trứng cá là do tuyến bã nhờn hoạt động quá mạnh.

3. Tia cực tím trong ánh nắng mặt trời không làm tổn thương da.

4. Da bị cháy nắng là do tiếp xúc quá lâu với ánh nắng mặt trời

Câu 5: Khi nói về hormone, phát biểu nào sau đây đúng, phát biểu nào sai?

1. Hormone được sản xuất bởi các tuyến nội tiết và vận chuyển qua đường máu đến các cơ quan đích.

2. Hormone cần một lượng lớn để gây ra hiệu quả sinh học.

3. Hormone có vai trò điều khiển và điều hòa hoạt động của các cơ quan trong cơ thể.

4. Sự hoạt động bất thường của một tuyến nội tiết không ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng và phát triển của cơ thể.

Câu 5: Phát biểu nào sau đây là đúng hoặc sai khi nói về tuyến yên?

1. Tuyến yên chỉ tiết ra một loại hormone duy nhất.

2. Hormone do tuyến yên tiết ra có thể ảnh hưởng đến sự tăng trưởng của cơ và xương.

3. Tuyến yên không có vai trò trong việc điều hòa quá trình trao đổi nước ở thận.

4. Rối loạn chức năng tuyến yên có thể ảnh hưởng đến nhiều hệ thống cơ quan trong cơ thể

PHẦN III. CÂU TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1: Em hãy nêu biểu hiện và cách phòng chống đối với bệnh tiểu đường?

Câu 2: Nêu các lớp cấu tạo nên da và thành phần của mỗi lớp.

Câu 3: Nêu tên các lớp cấu tạo của da và chức năng của chúng

Câu 4: Vì sao nói việc xác định thân nhiệt cũng có thể xác định được tình trạng sức khỏe của cơ thể?

Câu 5. Em hãy trình bày nguyên nhân, biểu hiện và biện pháp khắc phục bệnh cận thị, viễn thị.

Câu 6: Em hãy vận dụng các kiến thức đã học trong bài để đưa ra các cách phòng tránh bệnh viêm tai giữa, ù tai để bảo vệ bản thân và gia đình.

TỔ TRƯỞNG

Đỗ Thị Hợp

**BGH XÁC NHẬN
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Tạ Thúy Hà

